

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINNEXT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VINNEXT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINNEXT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109839890

**3. Ngày thành lập:** 01/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 60, ngách 66/18 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976059394

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa ( Trừ hoạt động của đấu giá viên);<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài) | 4610        |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                              | 4631        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                          | 4632(Chính) |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                            | 4633        |
| 5.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                        | 4711        |
| 6.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4721        |
| 7.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                            | 4722        |
| 8.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                             | 1010        |
| 9.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                     | 1020        |
| 10. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                | 1030        |
| 11. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                             | 1040        |
| 12. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                         | 1050        |
| 13. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                 | 1061        |
| 14. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                               | 1062        |
| 15. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                               | 1071        |
| 16. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                                                                                         | 1073        |
| 17. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                | 1074        |
| 18. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                       | 1075        |
| 19. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                              | 1079        |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                          | 5610        |
| 21. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                    | 5621        |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                                                                                                  | 5629        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | BÙI QUANG<br>THƯỜNG | Số 34, ngách<br>66/18 Dịch Vọng<br>Hậu, Phường<br>Dịch Vọng Hậu,<br>Quận Cầu Giấy,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 294.000       | 2.940.000.000            | 98,000       | 151984136                                                                                                              |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Tổng số                            | 294.000       | 2.940.000.000            | 98,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | BÙI ĐÌNH<br>DUY     | B7 Tập thể Bộ<br>Công an B42<br>Trung Phụng,<br>Phường Thổ<br>Quan, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.000         | 30.000.000               | 1,000        | 0340950040<br>04                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     | Tổng số                            | 3.000         | 30.000.000               | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                                     |                                    |       |            |       |                  |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------|------------|-------|------------------|
| 3 | TRẦN THỊ<br>YẾN | Số 34, ngách<br>66/18 Dịch Vọng<br>Hậu, Phường<br>Dịch Vọng Hậu,<br>Quận Cầu Giấy,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.000 | 30.000.000 | 1,000 | 0341940063<br>20 |
|   |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0     | 0          | 0,000 |                  |
|   |                 |                                                                                                                     | Tổng số                            | 3.000 | 30.000.000 | 1,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI QUANG THUỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/01/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 151984136

Ngày cấp: 07/05/2008

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú: Xóm 5, thôn Khang Ninh, Xã Quỳnh Trang, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 34, ngách 66/18 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội